

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1499/TTr-UBND

Cao Bằng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Thực hiện Kết luận số 496-KL/TU ngày 07/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (tại Công văn số 1212-CV/BTCTU ngày 09/3/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy); Thực hiện kết luận Hội nghị lần thứ 35 Ban Thường vụ Tỉnh ủy (tại Thông báo số 204-TB/TU ngày 14/6/2023 Tỉnh ủy Cao Bằng); căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sự cần thiết

a) Một số kết quả đạt được trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong những năm qua việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được triển khai kịp thời, đồng bộ, đúng quy định. Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, tỷ lệ tinh giản biên chế đạt được mục tiêu đề ra gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong giai đoạn 2019 - 2021, tỉnh Cao Bằng đã giảm 198 phòng và 203 đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; giảm 03 đơn vị hành chính cấp huyện và 38 đơn vị hành chính cấp xã; giảm 10% biên chế đạt mục tiêu đề ra. Việc bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã được thực hiện đồng bộ, phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đến nay cơ bản việc sắp xếp các vị trí lãnh đạo, quản lý đã được thực hiện đúng theo quy định.

Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 theo Kết

luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022, Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định: “*Giai đoạn 2022 - 2026, tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước*”¹. Tương ứng với số lượng cụ thể như sau: Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội giảm 48 biên chế cán bộ, công chức và 10 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Các cơ quan thuộc khối chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập giảm 104 biên chế cán bộ, công chức và 1.064 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Một số khó khăn của tỉnh trong việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư lớn. Mặc dù tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ (đã giảm 125 người) góp phần ổn định chính trị và tư tưởng, không gây xáo trộn lớn trong quá trình triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, nhưng đến nay cấp huyện còn dôi dư 42 người sau sắp xếp².

Hiện nay các vị trí lãnh đạo, quản lý cơ bản đã đủ số lượng theo quy định, tuy nhiên đa số cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cấp có tuổi đời khá cao (còn thiếu 12 tháng đến 60 tháng đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định), có nhiều năm tham gia công tác (có từ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên), sức khỏe có phần hạn chế, do đó việc đáp ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, hội nhập quốc tế... gặp phải những khó khăn nhất định cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức và đơn vị trong việc phân công và tổ chức thực hiện nhiệm vụ; việc tăng tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo, quản lý trẻ gặp nhiều khó khăn.

- Mặc dù Chính phủ đã ban hành một số chính sách để cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc³, nhưng các chính sách này chỉ áp dụng đối với một số đối tượng nhất định, chế độ, chính sách chưa đủ mạnh để có thể khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng cho các trường hợp dôi dư nghỉ việc ổn định đời sống, tạo việc làm mới. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã là những người có năng lực, trình độ chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nên đa số đối tượng này không thuộc đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ.

Từ những khó khăn nêu trên, việc nghiên cứu, xem xét ban hành chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý

¹ Kết luận số 380-KL/TU ngày 21/11/2022 về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và Kế hoạch số 181-KH/TU ngày 21/11/2022 của Tỉnh ủy về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2026.

² Công văn số 695/SNV-VP ngày 21/3/2023 của Sở Nội vụ về việc báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo số 167/BC-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

³ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020).

và cán bộ cấp xã tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc trong giai đoạn 2023 - 2026 là một trong các giải pháp góp phần thực hiện có hiệu quả việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh, gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Tại điểm đ khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh:

"đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên;...".

Như vậy, HĐND tỉnh xem xét ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026 là đúng theo quy định của pháp luật.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc để thuận lợi cho việc thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giải quyết tình trạng dôi dư cán bộ, công chức do sắp xếp sáp nhập đơn

vị hành chính cấp huyện; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ các cấp, tạo cơ hội phát triển, bổ sung đội ngũ cán bộ trẻ theo Chương trình và Đề án của Tỉnh ủy; đồng thời có chính sách hỗ trợ động viên cán bộ, công chức viên chức nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết phải gắn với việc cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Tỉnh ủy.

- Bảo đảm tính hợp pháp, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế, khả năng đáp ứng nguồn lực tài chính của tỉnh Cao Bằng.

- Định mức hỗ trợ cho các nhóm đối tượng không được cào bằng. Các khoản hỗ trợ phải phù hợp với quy định của pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ban cán sự đảng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo thực hiện đúng, đảm bảo quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ 02/5/2023 đến ngày 02/6/2023, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến; đồng thời gửi đến các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh; các sở, ban, ngành; Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện ủy, thành ủy và UBND các huyện, thành phố; Bảo hiểm xã hội tỉnh để tham gia ý kiến góp ý bằng văn bản.

2. Kết quả tổ chức lấy ý của các đối tượng chịu tác động và cơ quan, tổ chức có liên quan

- Sở Nội vụ đã tổ chức 03 cuộc họp liên ngành để thảo luận, cho ý kiến đối với nội dung dự thảo Nghị quyết; gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy để báo cáo, trình Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến về tên, đối tượng, định mức và các quy định khác tại dự thảo Nghị quyết.

- Không có ý kiến tham gia góp ý trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh trong thời gian đăng tải.

- Đến 10 giờ ngày 08/6/2023, Sở Nội vụ đã nhận được 44 ý kiến góp ý bằng văn bản của 44 cơ quan, đơn vị. Trong đó có 28 ý kiến nhất trí với dự thảo và 16 ý kiến góp ý đối với dự thảo.

Các ý kiến góp ý đã được Sở Nội vụ nghiên cứu, giải trình, tiếp thu tối đa để chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

3. Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp

Ngày 09/6/2023, Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 889/BCTĐ-STP về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023- 2026, trong đó, Sở Tư pháp cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo đồng thời đề nghị bổ sung từ “Quy định” sau cụm từ “Ban hành” tại tên dự thảo Nghị quyết.

Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

a) Đối với dự thảo Nghị quyết bao gồm:

- Các căn cứ pháp lý;
- Các điều (gồm 03 điều):

+ Điều 1: Quy định việc ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026.

+ Điều 2: Quy định trách nhiệm thi hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

+ Điều 3: Quy định thời gian Nghị quyết có hiệu lực thi hành.

b) Đối với dự thảo Quy định (kèm theo Nghị quyết)

Gồm 10 Điều:

- Từ Điều 1 đến Điều 5 quy định về các nội dung: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, đối tượng không áp dụng, nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ.

- Từ Điều 6 đến Điều 10 quy định về: Chính sách nghỉ hưu trước tuổi, chính sách thôi việc và mức hỗ trợ tối đa đối với mỗi trường hợp; cách tính tiền lương, thời gian hưởng hỗ trợ; nguồn kinh phí thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

a) Tên của Nghị quyết

- Tên gọi tại Thông báo số 166/TB-HĐND ngày 04/5/2023 của HĐND tỉnh: “*Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ đối với cán bộ công chức, viên chức có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 -2026*”.

- Trong quá trình nghiên cứu, chuẩn bị dự thảo Nghị quyết, Sở Nội vụ đề xuất tên Nghị quyết là: “*Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã có nguyện*

vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026”, gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy để báo cáo, xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy (tại Công văn số 1288/SNV-CCVCDT ngày 15/5/2023 của Sở Nội vụ).

- Tại Công văn số 2213-CV/VPTU ngày 19/5/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy kết luận: “...*Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn liên quan phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp thu các ý kiến phát biểu và kết luận tại cuộc họp, tiếp thu rà soát, xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết...*”.

- Tại cuộc họp liên ngành ngày 23/5/2023, giữa Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan đã xem xét, thống nhất nhiều nội dung, trong đó đề xuất tên Nghị quyết là: “*Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026*”.

Trong quá trình lấy ý kiến, các cơ quan đều nhất trí với tên gọi tại dự thảo Nghị quyết. Vì vậy, để phù hợp với phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết, UBND tỉnh đề xuất tên gọi của Nghị quyết là: *Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026*.

b) Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng giai đoạn 2023 - 2026.

c) Đối tượng áp dụng Nghị quyết gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có phụ cấp chức vụ) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

- Trưởng các đoàn thể cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

d) Các chính sách hỗ trợ

Nghị quyết bao gồm 02 chính sách hỗ trợ bao gồm: Chính sách hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi và chính sách hỗ trợ thôi việc.

- Chính sách hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi bao gồm các khoản:

+ 02 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu thực tế quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

+ Đối với những người công tác đủ từ 20 năm trở lên có đóng Bảo hiểm xã hội được hưởng thêm 02 tháng tiền lương cho tổng số 20 năm đầu công tác, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương;

+ Phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi.

- Chính sách hỗ trợ thôi việc bao gồm các khoản:

+ Được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng;

+ Được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Tổng mức hỗ trợ tối đa cho các đối tượng như sau:

Không vượt quá 350 triệu đồng/người đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; không vượt quá 280 triệu đồng/người đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có phụ cấp chức vụ) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; không vượt quá 220 triệu đồng/người đối với cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân) và không vượt quá 150 triệu đồng/người đối với Trưởng các đoàn thể cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

3. Điều kiện hỗ trợ

(1) Cá nhân có đơn tự nguyện và đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động theo quy định hoặc có đơn tự nguyện thôi việc được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản.

(2) Điều kiện về thời gian công tác:

- Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này còn thời gian công tác từ 12 tháng đến 60 tháng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định;

- Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

4. Về nguyên tắc áp dụng: Bao gồm 04 nguyên tắc

Thứ nhất: Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.

Thứ hai: Các trường hợp nghỉ thôi việc ngoài được hỗ trợ theo Quy định này, được hưởng chế độ thôi việc theo quy định pháp luật hiện hành.

Thứ ba: Đối với cán bộ cấp xã là Ủy viên Ban Thường vụ cấp huyện thì thực hiện chính sách hỗ trợ như đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Thứ tư: Cán bộ cấp xã đồng thời thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này và Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, thì chỉ được áp dụng theo một chính sách có mức hưởng cao nhất.

5. Kinh phí thực hiện

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn tài chính của đơn vị.

- Đối với các cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc giai đoạn 2023 - 2026, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Gửi kèm theo Tờ trình này:

(1) Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc giai đoạn 2023 - 2026.


2) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các ý kiến góp ý cho dự thảo Nghị quyết; bản chụp các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị.

(3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ; Tư pháp, Tài chính;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TP.TH, CVNC;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Hoàng Xuân Ánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2023/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày tháng 7 năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII - KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa

bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026; Báo cáo thẩm tra số/BC-BPC ngày tháng năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ... thông qua ngày.... tháng ...năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng ...năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB và XH;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Triệu Đình Lê

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH CAO BẰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

(Kèm theo Nghị quyết số/2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng giai đoạn 2023 - 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
2. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có phụ cấp chức vụ) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
3. Cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân).
4. Trưởng các đoàn thể cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

Điều 3. Đối tượng không áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã thuộc đối tượng giải quyết chế độ theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế; theo quy định tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.
2. Những người chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh.

3. Các đối tượng đang trong thời gian luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật; đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý có trình độ, chuyên ngành đào tạo mà cơ quan, đơn vị, địa phương đang thiếu, có kế hoạch tuyển dụng bổ sung.

5. Người làm việc trong các cơ quan thuộc ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, trong các doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn nhà nước, trong lực lượng vũ trang.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

1. Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này.

2. Các trường hợp thôi việc ngoài được hỗ trợ theo Quy định này, được hưởng chế độ thôi việc theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với cán bộ cấp xã là Ủy viên Ban Thường vụ cấp huyện thì thực hiện chính sách hỗ trợ như đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

4. Cán bộ cấp xã đồng thời thuộc đối tượng áp dụng Nghị quyết này và Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, thì chỉ được áp dụng theo một chính sách có mức hưởng cao nhất.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Cá nhân có đơn tự nguyện và đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động theo quy định hoặc có đơn tự nguyện thôi việc được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản.

2. Điều kiện về thời gian công tác:

a) Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này còn thời gian công tác từ 12 tháng đến 60 tháng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

b) Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

Điều 6. Chính sách nghỉ hưu trước tuổi

Trường hợp đủ điều kiện để hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội được hưởng các hỗ trợ sau:

1. Hỗ trợ 02 tháng tiền lương (quy định tại Điều 9 Quy định này) cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu thực tế quy định tại Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu;

2. Hỗ trợ thêm 02 tháng tiền lương (quy định tại Điều 9 Quy định này) cho tổng số 20 năm đầu công tác có đóng Bảo hiểm xã hội, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương;

3. Hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi, theo công thức tính sau:

Số tiền hỗ trợ = (Mức bình quân tiền lương tháng đóng Bảo hiểm xã hội) x (tỷ lệ % lương hưu bị trừ) x 12 tháng x 20 năm.

Điều 7. Chính sách thôi việc

Trường hợp thôi việc được hưởng các khoản hỗ trợ sau:

1. Được hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng (tiền lương tháng liền kề trước khi thôi việc);

2. Được hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương (quy định tại Điều 9 Quy định này) cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

Điều 8. Tổng mức hỗ trợ tối đa

1. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 2 không vượt quá 350 triệu đồng/người.

2. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 không vượt quá 280 triệu đồng/người.

3. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 2 không vượt quá 220 triệu đồng/người.

4. Tổng mức hỗ trợ cho mỗi trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 2 không vượt quá 150 triệu đồng/người.

Điều 9. Cách tính tiền lương và xác định thời gian

1. Cách tính tiền lương tháng như sau:

a) Tiền lương tháng quy định tại Nghị quyết này được tính bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc hoặc theo chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) và mức chênh lệch bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

b) Tiền lương tháng để tính hỗ trợ quy định khoản 1, khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7 của Quy định này được tính bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối (60 tháng) trước khi nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc.

2. Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy định này và cách xác định thời gian nghỉ hưu trước tuổi

hoặc thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội có số tháng lẻ không đủ năm được tính theo quy định hiện hành.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

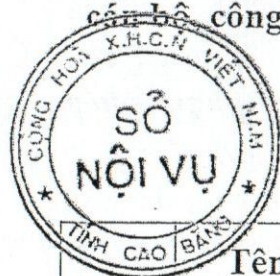
1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn tài chính của đơn vị.

2. Đối với các cơ quan hành chính của Đảng, Nhà nước, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện chính sách từ nguồn ngân sách cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành./.

BẢN TỔNG HỢP

Các ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 – 2026

(Kèm theo Công văn số 1573/SNV-CCVCDT ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Sở Nội vụ)



STT	Tên cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở Nội vụ
I		<p>Các cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo Nghị quyết:</p> <p>Có 28 cơ quan, đơn vị gồm: (1) Ban Dân tộc; (2) Hội Cựu chiến binh tỉnh; (3) Sở Y tế; (4) Ban Dân vận Tỉnh ủy; (5) Ban Quản lý dự án Đầu tư và xây dựng; (6) Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh; (7) Sở Ngoại vụ; (8) Sở Xây dựng; (9) Sở Kế hoạch và Đầu tư; (10) Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông; (11) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (12) Báo Cao Bằng; (13) Sở Giao thông vận tải; (14) Ban Quản lý Khu kinh tế; (15) Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh; (16) Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; (17) Liên đoàn lao động tỉnh; (18) UBND huyện Trùng Khánh; (19) UBND huyện Hạ Lang; (20) UBND huyện Quảng Hòa; (21) UBND huyện Thạch An; (22) UBND huyện Hòa An; (23) UBND huyện Nguyên Bình; (24) UBND huyện Hà Quảng; (25) Văn phòng Tỉnh ủy; (26) Huyện ủy Bảo Lạc; (27) Sở Thông tin và truyền thông; (28) Huyện ủy Hà Quảng.</p>	
II		<p>Các cơ quan có ý kiến góp ý đề nghị sửa đổi, bổ sung</p>	
1	Hội Nông dân tỉnh	<p>1. Đề nghị bổ sung mục đích của dự thảo Nghị quyết. Trường hợp Nghị quyết nhằm mục đích giải quyết số cán bộ, lãnh đạo quản lý dôi dư sau sáp nhập đơn vị hành chính của tỉnh thì cần bổ sung căn cứ pháp lý các Nghị quyết của Trung ương về sáp</p>	<p>- Mục đích của dự thảo Nghị quyết đã được thể hiện tại dự thảo Tờ trình.</p> <p>- Về bổ sung căn cứ pháp lý:</p> <p>Theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị</p>

	<p>xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.</p>	<p>định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “<i>Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản</i>”.</p> <p>Các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Nghị quyết số 846/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 và Nghị quyết số 897/NQ-UBTVQH14 ngày 11/02/202) về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh Cao Bằng không phải là văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>Vì vậy, việc bổ sung các Nghị quyết của Trung ương về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã vào phần căn cứ pháp lý của dự thảo Nghị quyết là không phù hợp.</p>
--	---	---

		<p>2. Đề nghị làm rõ cơ sở vì sao xác định mốc thời gian áp dụng từ giai đoạn 2023 - 2026.</p>	<p>Nghị quyết xác định thời gian áp dụng từ năm 2023 đến năm 2026 để phù hợp với chủ trương của Tỉnh ủy (tại Công văn số 1212-CV/BTCTU ngày 09/3/2023 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy).</p>
		<p>3. Tại khoản 2, Điều 7: Chính sách thôi việc: Đề nghị xem lại mức trợ cấp 0,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội (theo Báo cáo tác động là 1,5 tháng).</p>	<p>Ý kiến giải trình:</p> <p>Tại khoản 2 Mục II của dự thảo Báo cáo đánh giá tác động: Để thực hiện chính sách thôi việc, cơ quan soạn thảo đề xuất 02 giải pháp. Trong đó Giải pháp 1 đề xuất hỗ trợ “1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng Bảo hiểm xã hội”, nhưng qua so sánh ưu điểm, nhược điểm của 02 giải pháp, cơ quan soạn thảo không lựa chọn Giải pháp 1 mà chọn Giải pháp 2 (Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, nhưng có định mức thấp hơn tiệm cận với chính sách tinh giản, đồng thời quy định mức tối đa một người có thể được hưởng). Vì vậy, trong dự thảo Nghị quyết không quy định mức hỗ trợ 1,5 tháng lương cho mỗi năm công tác có đóng Bảo hiểm xã hội</p>
2	Văn phòng Đoàn đại	<p>1. Đối với Tờ trình dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Tại tiểu mục 2, mục I về sự cần thiết và căn cứ</p>	<p>Nhất trí tiếp thu các nội dung góp ý đối với dự thảo Tờ trình</p>

<p>biểu Quốc hội và HĐND tỉnh</p>	<p>pháp lý ban hành Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung thêm các căn cứ pháp lý tại dự thảo Nghị quyết.</p> <p>- Tại mục III về quá trình xây dựng dự thảo nghị quyết: Đề nghị kết cấu lại theo 03 nội dung chính: (1) Khẳng định quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết đã thực hiện đúng, đảm bảo quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); (2) Kết quả tổ chức lấy ý của các đối tượng chịu tác động và cơ quan, tổ chức có liên quan; (3) Kết quả thẩm định của Sở Tư pháp.</p> <p>- Tại mục IV về bố cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết, đề nghị đơn vị soạn thảo đánh số thứ tự theo tuần tự các tiểu mục, cụ thể: có 02 tiểu mục 2 “2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết; 2. Điều kiện hỗ trợ”.</p>	
	<p>2. Đối với dự thảo Nghị quyết</p> <p>2.1. Về tên gọi dự thảo Nghị quyết</p> <p>Đề nghị đơn vị soạn thảo xem xét lại tên gọi dự thảo Nghị quyết để đảm bảo chính xác và thống nhất:</p> <p>- Tên gọi tại Thông báo số 166/TB-HĐND ngày 04/5/2023 của HĐND tỉnh: “<i>Nghị quyết ban hành</i>”</p>	<p>- Sở Nội vụ tiếp thu ý kiến góp ý.</p> <p>- Tên dự thảo Nghị quyết đã được Thường trực Tỉnh ủy cho ý kiến, vì vậy trong quá</p>

	<p><i>chính sách hỗ trợ đối với cán bộ công chức, viên chức có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026”;</i></p> <p>- Tên gọi tại dự thảo Tờ trình: <i>“Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023-2026”;</i></p> <p>- Tên gọi tại dự thảo Nghị quyết: <i>“Nghị quyết Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023-2026”.</i></p>	<p>trình hoàn thiện hồ sơ và trình ban hành Nghị quyết, Sở Nội vụ sẽ tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo HĐND về tên Nghị quyết để đảm bảo thống nhất.</p>
	<p>2.2. Về nội dung của dự thảo Nghị quyết</p> <p>- Về căn cứ ban hành</p> <p>Đề nghị, gộp căn cứ thứ nhất và căn cứ thứ hai thành một căn cứ; gộp căn cứ thứ ba và căn cứ thứ tư thành một căn cứ, biên tập lại như sau:</p> <p><i>“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11</i></p>	<p>Nhất trí tiếp thu các nội dung góp ý đối với căn cứ ban hành, nội dung của dự thảo nghị quyết và thể thức, kỹ thuật trình bày</p>

năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020”.

-Về nội dung của dự thảo nghị quyết

Đề nghị chỉnh sửa lại Điều 2 và Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:

“Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ... thông qua ngày.... tháng ...năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng ...năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026./.”

- Về thể thức, kỹ thuật trình bày:

Tại phần nơi nhận: Bỏ “*Báo, Đài PTTH, Công báo, Phòng Công tác HĐND*”; thay cụm từ “*Cổng thông tin điện tử tỉnh*” bằng cụm từ “*Trung tâm*

		thông tin - Văn phòng UBND tỉnh”.	
3	Sở Tài nguyên và Môi trường	<p>1. Tại mục a, khoản 2, Điều 5 của Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí cần làm rõ nội dung “tuổi nghỉ hưu theo quy định” để thuận tiện hơn cho việc tính thời gian hưởng tiền trợ cấp lương cho những năm nghỉ hưu trước tuổi. Ví dụ:</p> <p>Bà Nguyễn Thị A, sinh ngày 01/5/1971, được cơ quan có thẩm quyền quyết định nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 01/6/2024.</p> <p>Căn cứ điểm 2, Điều 4, Nghị định số 135/2020/NĐ-CP quy định Lộ trình tuổi nghỉ hưu của người lao động bình thường thì tuổi nghỉ hưu của năm 2024 đối với lao động nữ là 56 tuổi 4 tháng. Thời điểm 01/6/2024, bà A đạt 53 tuổi. Theo đó thời gian được tính trợ cấp tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi là 3 năm. Căn cứ Phụ lục 1, Nghị định số 135/2020/NĐ-CP quy định Lộ trình tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường gắn với tháng, năm sinh tương ứng, Bà A sẽ được nghỉ hưu đúng tuổi tại thời điểm đủ 58 tuổi, tương ứng mốc thời gian là tháng 6/2029. Theo đó, thời gian được tính hưởng trợ cấp tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi sẽ là 5 năm.</p>	<p>Nhất trí tiếp thu và chỉnh sửa thành: .</p> <p>“Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này còn thời gian công tác từ 12 tháng đến 60 tháng tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại <u>Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu</u>”.</p>
		<p>2. Tại mục 1, mục 2, Điều 6, Chính sách nghỉ hưu trước tuổi:</p>	<p>- Đối với khoản 1 Điều 6:</p>

		<p>- Mục 1: Dự thảo chỉ nêu chính sách hỗ trợ đối với số năm nghỉ hưu trước tuổi là chẵn năm. Đề nghị quy định thêm chính sách đối với trường hợp thời gian nghỉ hưu trước tuổi có lẻ số tháng như lẻ dưới 6 tháng, lẻ trên 6 tháng.</p> <p>- Mục 2: Đề nghị sửa đổi bổ sung thành “Hỗ trợ thêm 02 tháng tiền lương cho tổng số 20 năm đầu công tác <u>có đóng Bảo hiểm xã hội</u>, ...”, đồng thời quy định thêm chính sách đối với trường hợp thời gian đóng Bảo hiểm xã hội có lẻ số tháng.</p>	<p>Về cách tính thời gian công tác có lẻ số tháng: Đã được quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.</p> <p>Tại khoản 2 Điều 9 của dự thảo Quy định đã quy định “...cách xác định thời gian nghỉ hưu trước tuổi hoặc thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội có số tháng lẻ không đủ năm được tính theo quy định hiện hành”. Vì vậy, cơ quan soạn thảo giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>- Đối với khoản 2 Điều 6: Tiếp thu bổ sung cụm từ “<u>có đóng Bảo hiểm xã hội</u>”.</p>
4	Sở Tư pháp	<p>1. Về nội dung</p> <p>Đối với dự thảo Quy định</p> <p>- Tại khoản 5 Điều 2 dự thảo quy định “<i>Những đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026</i>” là không phù hợp. Việc dự thảo quy định cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã đã được cấp có thẩm quyền cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc từ ngày 01/01/2023 được</p>	<p>- Đối với nội dung tại khoản 5 Điều 2: Nhất trí tiếp thu bỏ khoản 5 Điều 2.</p> <p>- Nhất trí chỉnh sửa nội dung tại Điều 7 để thống nhất với nội dung tại Điều 6, cụ thể như sau:</p> <p>+ Tại Điều 6 và Điều 7: Thay từ “trợ cấp” bằng “hỗ trợ”</p> <p>+ Tại khoản 2 Điều 6: Bổ sung cụm từ “<u>có đóng Bảo hiểm xã hội</u>” vào sau cụm từ “cho tổng số 20 năm đầu công tác” để thống nhất với khoản 2 Điều 7.</p>

hường chính sách hỗ trợ, trong khi dự thảo nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng này có hiệu lực từ ngày 01/8/2023, quy định như dự thảo là quy định hiệu lực trở về trước.

Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: **“Điều 152. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật**

1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.

....

3. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước.”

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị dự thảo xem xét cần bỏ nội dung tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Quy định.

- Tại khoản 2 Điều 6 dự thảo quy định “Hỗ trợ thêm 02 tháng tiền lương cho tổng số 20 năm đầu công tác, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp ½ tháng tiền lương” và

+ Tại khoản 2 Điều 7: Thay cụm từ “trợ cấp 0,5 tháng tiền lương” thành **“hỗ trợ 1/2 tháng tiền lương”**.

		<p>khoản 2 Điều 7 quy định “Được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội” là chưa thống nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cho phù hợp.</p>	
		<p>2. Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản</p> <p>a) Đối với dự thảo nghị quyết</p> <p>Dự thảo nên trình bày căn cứ pháp lý thứ nhất với căn cứ pháp lý thứ hai thành 01 dòng; căn cứ pháp lý thứ 3 với căn cứ pháp lý thứ 4 thành 01 dòng, do các căn cứ này có liên quan với nhau.</p> <p>b) Đối với dự thảo Quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo cần bổ sung cơ quan ban hành văn bản, quốc hiệu và tiêu ngữ. - Nội dung dự thảo ngắn, do đó không cần thiết bố cục theo chương 	<p>Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày như ý kiến góp ý.</p>
5	Sở Tài chính	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại nội dung khoản 5, Điều 2 của dự thảo quy định chính sách hỗ trợ kinh phí.</p> <p>Lý do: Việc thực hiện chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 là trước ngày Nghị quyết được ban hành, theo quy định tại Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy</p>	<p>Nhất trí tiếp thu bỏ khoản 5 Điều 2.</p>

		phạm pháp luật năm 2015 là chưa phù hợp	
6	Sở Khoa học và Công nghệ	2. Đề nghị xem xét, chỉnh sửa đối với thể thức tại Quy định kèm theo Quyết định: bổ sung thêm tiêu ngữ và cơ quan ban hành văn bản cho đúng quy định tại Mẫu số 17, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Nhất trí tiếp thu
7	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	- Làm rõ căn cứ pháp lý đối với việc áp dụng hồi tố chính sách quy định tại khoản 5 Điều 2 "5. Những đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026."	Nhất trí tiếp thu bỏ khoản 5 Điều 2.
		- Đề nghị chia Khoản 1 Điều 5 thành 02 điểm cho dễ hiểu như sau: + Điểm a) Điều kiện nghỉ hưu trước tuổi: suy giảm khả năng lao động theo quy định và cá nhân có đơn tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi được cơ quan có thẩm quyền quản lý đồng ý bằng văn bản. + Điểm b) Điều kiện thôi việc: cá nhân có đơn xin thôi việc được cơ quan có thẩm quyền quản lý	Quy định tại khoản 1 Điều 5 đã rõ ràng, giữ nguyên như dự thảo.

		đồng ý bằng văn bản.	
		- Sửa lại khoản 3 Điều 6 như sau: 3. Hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi tổng cộng 240 tháng	Giữ nguyên như dự thảo để thể hiện rõ hơn thời gian (số năm) được hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị trừ tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi
8	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	1. Về nội dung	
		- Đối với dự thảo Tờ trình: Tại mục 3 Phần IV. Bộ cục và nội dung cơ bản của Nghị quyết (trang 7) có nêu: “Về nguyên tắc áp dụng: Bao gồm 05 nguyên tắc (Thứ nhất..., Thứ hai..., Thứ ba..., Thứ tư...)”. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp.	Nhất trí tiếp thu
		- Đối với dự thảo Quy định: + Tại khoản 2 Điều 6 dự thảo quy định “Hỗ trợ thêm 02 tháng tiền lương cho tổng số 20 năm đầu công tác, từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp ½ tháng tiền lương” và khoản 2 Điều 7 quy định “Được trợ cấp 0,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội”, đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất về quy định thời gian hưởng hỗ trợ (½ tháng tiền lương hoặc 0,5 tháng tiền lương).	Nhất trí tiếp thu chỉnh sửa thống nhất thay “0,5 tháng tiền lương” thành “½ tháng tiền lương”

		<p>+ Tại khoản 1 Điều 3 đề nghị chỉnh sửa: “... tại Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015...” thành “... tại Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015...”.</p>	Nhất trí tiếp thu
		<p>- Tại khoản 4 Điều 4 đề nghị chỉnh sửa: “... công chức cấp xã theo nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ...” thành “... công chức cấp xã theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ...”.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 6 đề nghị chỉnh sửa “... Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu” thành “... Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu”.</p>	Nhất trí tiếp thu
		<p>2. Về thể thức: Đối với dự thảo Quy định: Đề nghị bổ sung cơ quan ban hành văn bản, quốc hiệu và tiêu ngữ trong văn bản.</p>	Nhất trí tiếp thu
9	<p>UBND huyện Bảo Lâm; Huyện ủy Bảo Lâm</p>	<p>1. Tại mục 5, Điều 2, Chương I của Quy định về đối tượng áp dụng cần ghi rõ:</p> <p>“Những đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi <u>do suy giảm khả năng lao động theo quy định của cấp có thẩm quyền</u> hoặc thôi việc kể từ ngày</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo.</p> <p>Lý do: Điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ đã được quy định cụ thể tại Điều 5 của dự thảo Quy định, trong đó quy định rõ điều kiện là: Cá nhân đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động theo quy định.</p>

	<p>01/01/2023 đến ngày 31/12/2026”</p> <p>Vì tại mục 1, Điều 5, Chương I của Quy định này có nêu rõ về điều kiện hỗ trợ là đối tượng nghỉ hưu trước tuổi phải thuộc diện suy giảm khả năng lao động theo quy định. Do đó bắt buộc cần đưa tiêu chí <u>suy giảm khả năng lao động</u> vào mục đối tượng áp dụng để quy định rõ đối tượng được hưởng. <i>Hiện nay theo quy định của pháp luật hiện hành thì cán bộ, công chức, viên chức có thời gian đóng BHXH bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên, trong đó có thời gian công tác ở vùng đặc biệt khó khăn từ đủ 15 năm, nếu có nguyện vọng sẽ được nghỉ hưu trước tuổi tối đa không quá 05 năm so với quy định).</i> Do đó cần nghiên cứu và quy định cụ thể đối tượng áp dụng hưởng chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị quyết này.</p>	
	<p>2. Tại Điều 3, Chương I của Quy định cần bổ sung:</p> <p>Đối tượng không áp dụng: bổ sung thêm “Những người nghỉ hưu trước tuổi theo nguyện vọng cá nhân và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản nhưng không thuộc đối tượng suy giảm khả năng lao động theo quy định thì không được hưởng chế độ, chính sách theo nghị quyết này”.</p> <p>Vì tại mục 1, Điều 5, Chương I của Quy định</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo</p> <p>Lý do: Tại khoản 1 Điều 5 của dự thảo Quy định đã nêu rõ về điều kiện hỗ trợ là: Đối tượng nghỉ hưu trước tuổi phải thuộc diện suy giảm khả năng lao động theo quy định.</p>

		<p>này có nêu rõ về điều kiện hỗ trợ là đối tượng nghỉ hưu trước tuổi phải thuộc diện suy giảm khả năng lao động theo quy định.</p>	
		<p>3. Tại mục 1, Điều 5, Chương I của Quy định về điều kiện hỗ trợ:</p> <p>Cần xem xét, bổ sung quy định phải suy giảm khả năng lao động với mức bao nhiêu % thì được hưởng chế độ, chính sách theo nghị quyết này.</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo</p> <p>Lý do: Việc xác định % suy giảm khả năng lao động để được hưởng lương hưu đã được quy định cụ thể tại Luật Bảo hiểm xã hội.</p> <p>Việc bổ sung tỷ lệ % suy giảm khả năng lao động để được hưởng chế độ, chính sách của Nghị quyết là không cần thiết.</p>
		<p>4. Tại mục 2, Điều 5, Chương I của Quy định cần ghi rõ:</p> <p>Điều kiện về thời gian công tác: cần ghi rõ “Các đối tượng quy định tại Điều 2 Quy định này nếu đáp ứng đủ một trong các tiêu chí dưới đây (hoặc đáp ứng cả hai tiêu chí dưới đây) thì được hưởng chế độ, chính sách” Cần ghi rõ là đáp ứng cả 02 tiêu chí về độ tuổi thời gian công tác còn lại và thời gian đóng bảo hiểm bắt buộc từ đủ 20 năm trở lên hay chỉ cần đáp ứng đủ 01 trong 02 tiêu chí trên là đủ điều kiện về hưởng chế độ, chính sách theo Nghị quyết này. Vì nếu đối tượng thuộc diện thôi việc thì theo các quy định của pháp luật hiện hành không yêu cầu về độ tuổi và thời gian công tác tham gia đóng BHXH.</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo</p> <p>Lý do: Tại khoản 1 Điều 4 của dự thảo đã quy định rõ: Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy định này.</p>

10	UBND thành phố Cao Bằng	<p>Tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 của dự thảo Nghị quyết, đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng xem xét bổ sung thêm nội dung "<i>có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên đối với cán bộ cấp xã chuyên trách là nữ</i>" để đảm bảo đầy đủ đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành.</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo</p> <p>Lý do: Theo quy định tại Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội, các trường hợp nghỉ hưu khi suy giảm khả năng lao động phải có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên.</p> <p>Do đó, nếu quy định "<i>thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc từ đủ 15 năm trở lên</i>" sẽ không phù hợp với quy định của Luật Bảo hiểm xã hội</p>
11	Văn phòng UBND tỉnh	<p>- Tại tên dự thảo Nghị quyết: Dự thảo cần bổ sung từ "Quy định" sau từ "Ban hành" vì dự thảo Nghị quyết có Quy định kèm theo.</p> <p>- Tại khoản 5 Điều 2: Dự thảo quy định đối tượng áp dụng của Nghị quyết là "Những đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này, đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026". Việc quy định áp dụng chính sách hỗ trợ cho những đối tượng đã được cấp có thẩm quyền nhất trí cho nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, theo đó quy định: "Văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>Giữ nguyên như dự thảo vì tên dự thảo phù hợp với quy định mẫu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ</p> <p>Nhất trí tiếp thu bỏ khoản 5 Điều 2</p>

	<p>được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó”.</p> <p>Khoản 3 Điều 152 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt không được quy định hiệu lực trở về trước”.</p> <p>Căn cứ các quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ quy định tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.</p>	
12	<p>Bảo hiểm xã hội tỉnh</p> <p>1. Tại khoản 3 Điều 56 Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 quy định: “Mức lương hưu hàng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật này được tính như quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, sau đó cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định thì giảm 2%”. Như vậy, để phù hợp với quy định nêu trên đề nghị sửa đổi tại khổ thứ 3, trang 4 từ trên xuống của dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh</p>	Nhất trí tiếp thu

		giai đoạn 2023 - 2026 như sau: Thay thế cụm từ “Các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động sẽ bị trừ lương hưu tương ứng với số năm nghỉ hưu trước tuổi (hàng tháng giảm 02% cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi)” bằng cụm từ “Các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động sẽ bị giảm tỷ lệ phần trăm mức lương hưu hàng tháng do nghỉ hưu trước tuổi (cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định thì giảm 2%)”.	
		2. Đề thống nhất từ ngữ trong các văn bản dự thảo đề nghị thay thế tất cả các cụm từ “bị trừ tỷ lệ %” trong các văn bản dự thảo bằng cụm từ “bị giảm tỷ lệ %”.	Nhất trí tiếp thu
13	UBND huyện Bảo Lạc	Tại khoản 2 Điều 5 cần sửa đổi quy định về thời việc theo nguyện vọng phù hợp với quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/10/2023 của Chính phủ quy định về thời việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.	Giữ nguyên như dự thảo Lý do: Chính sách hỗ trợ cho các đối tượng còn thời gian công tác từ 12 tháng đến 60 tháng và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên. Vì vậy quy định điều kiện hỗ trợ như khoản 2 Điều 5 là phù hợp.
14	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đề nghị cơ quan chuyên môn (Sở Tư pháp, Sở Nội vụ) làm rõ sự phù hợp của quy định tại khoản 5 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết đối với pháp luật hiện hành	Đã tiếp thu bỏ khoản 5 Điều 2
15	Ủy ban MTTQVN	Tại Điều 8 dự thảo Nghị quyết quy định về tổng mức hỗ trợ tối đa là chưa phù hợp, chưa đảm bảo	Giữ nguyên như dự thảo

	<p>tỉnh Cao Bằng</p>	<p>công bằng cũng như đảm bảo quyền lợi chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc được hưởng đầy đủ các chính sách theo quy định của Nhà nước.</p> <p>Ví dụ: Ở trường hợp cụ thể, cán bộ công chức nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2, khi vận dụng cách tính tiền lương quy định tại Điều 9 được tổng số tiền là 400 triệu, trong khi tổng mức hỗ trợ cho đối tượng này quy định tại khoản 1 Điều 8 không vượt quá 350 triệu đồng/người, thì đương nhiên cán bộ, công chức đó bị giảm trừ 50 triệu, như vậy tạo tâm lý băn khoăn, e ngại đối với cán bộ, công chức trong việc chủ động, tự nguyện đăng ký nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng cá nhân.</p> <p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ quy định nêu trên, không quy định mức tối đa, đảm bảo cán bộ, công chức được hưởng đúng, hưởng đủ các chế độ theo quy định.</p>	<p>Lý do: Các đối tượng trong dự thảo Nghị quyết khi nghỉ hưu trước tuổi sẽ được hưởng chế độ hưu trí theo quy định, còn thôi việc sẽ được hưởng thêm chính sách thôi việc theo quy định của pháp luật hiện hành. Chính sách của tỉnh nhằm mục đích hỗ trợ thêm, vì vậy quy định mức hỗ trợ tối đa là hợp lý và phù hợp với khả năng chi trả ngân sách của tỉnh.</p>
<p>III</p>	<p>Các cơ quan không có văn bản góp ý (tính đến thời điểm 10 giờ ngày 08/6/2023): Có 13 cơ quan, đơn vị, gồm:</p> <p>Tỉnh đoàn thanh niên, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Công Thương, Thanh tra tỉnh, UBKT Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy; Thành ủy và 06 huyện ủy: Hạ Lang, Hòa An, Nguyên Bình, Quảng Hòa, Thạch An, Trùng Khánh.</p>		

Số: 1625/BC-SNV

Cao Bằng, ngày 13 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẤP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Một số kết quả đạt được trong công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong những năm qua việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được triển khai kịp thời, đồng bộ, đúng quy định. Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, tỷ lệ tinh giản biên chế đạt được mục tiêu đề ra, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong giai đoạn 2019 - 2021, tỉnh Cao Bằng đã giảm 198 phòng và 203 đơn vị sự nghiệp công lập tại các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; giảm 03 đơn vị hành chính cấp huyện và 38 đơn vị hành chính cấp xã; giảm 10% biên chế đạt mục tiêu đề ra. Việc bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã được thực hiện đồng bộ, phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, đến nay cơ bản việc sắp xếp các vị trí lãnh đạo, quản lý đã được thực hiện đúng theo quy định.

Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022, Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định: "*Giai đoạn 2022 - 2026, tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước*"¹. Tương ứng với số lượng cụ thể như sau: Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội giảm 48 biên chế cán bộ, công chức và 10 biên chế

¹ Kết luận số 380-KL/TU ngày 21/11/2022 về nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và Kế hoạch số 181-KH/TU ngày 21/11/2022 của Tỉnh ủy về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 - 2026.

viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Các cơ quan thuộc khối chính quyền địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập giảm 104 biên chế cán bộ, công chức và 1.064 biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

b) Một số khó khăn của tỉnh trong việc thực hiện tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý

- Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư lớn. Mặc dù tỉnh đã triển khai rất nhiều biện pháp đồng bộ (đã giảm được 125 người) góp phần ổn định chính trị và tư tưởng, không gây xáo trộn lớn trong quá trình triển khai sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, nhưng đến nay cấp huyện còn dôi dư 42 người sau sắp xếp².

- Trong giai đoạn 2023 - 2026, thực hiện việc rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị, đẩy mạnh việc tinh giản biên chế theo các Kết luận của Trung ương và Kế hoạch của Tỉnh ủy, số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư rất nhiều, tạo áp lực lớn lên việc sắp xếp bố trí, cũng như việc thực hiện tinh giản biên chế.

- Tỉnh Cao Bằng đang đẩy mạnh triển khai Chương trình 08-CTr/TU ngày 16/7/2021³ và Đề án số 06-ĐA/TU ngày 29/10/2021⁴ của Tỉnh ủy để đạt mục tiêu: "*Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, kiến thức chuyên môn sâu, có năng lực, kỹ năng quản lý...; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý trẻ có đủ năng lực, trình độ và khả năng làm việc được trong môi trường quốc tế; phấn đấu đến năm 2025 cơ bản đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp chiến lược của tỉnh có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ*"; "*Phấn đấu có từ 15 - 20 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở dưới 40 tuổi (tỷ lệ từ 10-15%); phấn đấu có từ 20 - 30 cán bộ chủ chốt và ủy viên Ban Thường vụ cấp huyện dưới 40 tuổi (tỷ lệ từ 15-20%)*".

Tuy nhiên, hiện nay các vị trí lãnh đạo quản lý cơ bản đã đủ số lượng theo quy định, rất khó khăn bố trí, sắp xếp các vị trí lãnh đạo, quản lý, tăng tỷ lệ đội ngũ lãnh đạo, quản lý trẻ. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý các cấp có tuổi đời khá cao (còn thiếu 12 tháng đến 60 tháng đủ điều kiện nghỉ hưu theo quy định), có nhiều năm tham gia công tác (có từ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên), sức khỏe có phần hạn chế, do đó việc đáp

² Công văn số 695/SNV-VP ngày 21/3/2023 của Sở Nội vụ về việc báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị tại Báo cáo số 167/BC-HĐND ngày 25/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

³ Chương trình số 08-CTr/TU ngày 16/7/2021 của Tỉnh ủy xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực ở nông thôn nhằm khắc phục điểm nghẽn, nút thắt về chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2021 - 2025.

⁴ Đề án số 06-ĐA/TU ngày 29/10/2021 của Tỉnh ủy nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cấp tỉnh Cao Bằng, giai đoạn 2021 - 2025.

ứng yêu cầu công việc trong giai đoạn đẩy mạnh chuyển đổi số, cải cách hành chính, hội nhập quốc tế... gặp phải những khó khăn nhất định cho cá nhân cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức trong việc phân công và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

- Mặc dù Chính phủ đã ban hành một số chính sách để cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc⁵, nhưng các chính sách này chỉ áp dụng đối với một số đối tượng nhất định, chế độ, chính sách chưa đủ mạnh để có thể khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng cho các trường hợp dôi dư nghỉ việc ổn định đời sống, tạo việc làm mới. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã là những người có năng lực, trình độ chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nên đa số đối tượng này không thuộc đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ.

Từ những khó khăn nêu trên, việc nghiên cứu, xem xét ban hành chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc trong giai đoạn 2023 – 2026 là một trong các giải pháp góp phần thực hiện có hiệu quả việc cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh, gắn với việc thực hiện tinh giản biên chế.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc để thuận lợi cho việc thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, giải quyết tình trạng dôi dư cán bộ, công chức do sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện; nâng cao chất lượng, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ các cấp, tạo cơ hội phát triển, bổ sung đội ngũ cán bộ trẻ theo Chương trình và Đề án của Tỉnh ủy.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Chính sách hỗ trợ kinh phí nghỉ hưu trước tuổi

1.1 Xác định vấn đề bất cập

** Mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích bất cập*

Theo Kế hoạch số 181-KH/TU ngày 21/11/2022 của Tỉnh ủy về quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh Cao Bằng: Năm 2022, toàn tỉnh Cao Bằng được giao

⁵ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020).

19.179 biên chế cán bộ, công chức viên chức, trong đó có 3.305 cán bộ, công chức và 15.855 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đến năm 2026, giảm xuống còn 2.883 cán bộ, công chức và 14.758 viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giảm 152 biên chế công chức và 1.097 viên chức hưởng lương từ ngân sách. Tỉnh sẽ rất khó khăn để giảm đủ số lượng này. Đặc biệt là cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã, vì đây là những người có năng lực, trình độ chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao không thuộc đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ.

Trước yêu cầu tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy và việc bố trí sắp xếp để nâng cao chất lượng cán bộ theo Chương trình số 08-CTr/TU và Đề án số 06-ĐA/TU của Tỉnh ủy thì cần có một số cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi để tạo thuận lợi tốt nhất cho thực hiện việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của tỉnh. Chương trình số 08-CTr/TU ngày 16/7/2021 của Tỉnh ủy đã đưa ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 có cán bộ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi từ 36 đến 50 người. Trong khi đó, các vị trí lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể, lãnh đạo cấp huyện (thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý) đã cơ bản đảm bảo đầy đủ số lượng theo quy định.

Theo quy định Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 (*được sửa đổi, bổ sung bởi Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch và Bộ luật Lao động 2019*), cán bộ, công chức, viên chức được hưởng lương hưu khi có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên và đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động. Các trường hợp nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động sẽ bị giảm tỷ lệ phần trăm mức lương hưu hàng tháng do nghỉ hưu trước tuổi (cứ mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định thì giảm 2%)”.

Khi nghỉ hưu trước tuổi, cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên và còn thời gian công tác từ 12 đến 60 tháng, chưa đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định sẽ không được hưởng các khoản thu nhập sau:

- (1) Tiền lương hàng tháng khi họ tiếp tục làm việc cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu;
- (2) Phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi.

Khi không có các khoản thu nhập này sẽ có ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã sau khi nghỉ hưu trước tuổi.

*** Hậu quả:** Những người có số năm nghỉ hưu trước tuổi càng cao thì chênh lệch khoản thu nhập không được hưởng càng lớn.

Nếu không có khoản hỗ trợ kinh phí để bù đắp những khoản thu nhập không được hưởng do nghỉ hưu trước tuổi sẽ không đảm bảo quyền lợi và ổn định đời sống. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã sẽ không tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi mà tiếp tục làm việc cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu để không bị mất các khoản thu nhập từ lương cũng như không bị trừ % lương hưu hằng tháng. Điều này sẽ gây khó khăn cho việc sắp xếp, bố trí gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã không thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ, còn thời gian công tác ngắn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi để tạo thuận lợi xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý theo chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy;

- Hỗ trợ kinh phí để bù đắp cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã bị ảnh hưởng do nghỉ hưu trước tuổi;

- Đảm bảo tính hợp pháp, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Cao Bằng.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Áp dụng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

b) Giải pháp 2: Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế nhưng có định mức thấp hơn; thực hiện hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi và quy định tổng mức hỗ trợ tối đa.

1.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Cả 02 giải pháp để thực hiện Chính sách 1 đều tác động lên một số mặt sau:

- Về mặt kinh tế sẽ làm tăng chi từ ngân sách của tỉnh;

- Về mặt xã hội: không làm tăng tỷ lệ thất nghiệp vì những trường hợp được nghỉ hưu trước tuổi được hưởng lương hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;

- Tác động về giới và thủ tục hành chính: Chính sách không có sự phân biệt về giới, không ảnh hưởng đến điều kiện thực hiện và thụ hưởng các lợi ích của mỗi giới; không làm phát sinh thủ tục hành chính;

- Về mặt pháp luật: Chính sách phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, mỗi giải pháp có những ưu điểm và nhược điểm sau:

a) Giải pháp 1: Áp dụng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.

- Ưu điểm:

+ Các định mức hỗ trợ phù hợp với các quy định của Chính phủ. Các khoản hỗ trợ mang tính tương đồng, không có chênh lệch lớn so với các chính sách tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi do không đủ tuổi tái cử;

+ Mức kinh phí hỗ trợ nghỉ công tác bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức thỏa đáng, giúp ổn định đời sống;

+ Các đối tượng có số năm nghỉ trước tuổi nghỉ hưu nhiều hơn thì sẽ được hưởng khoản hỗ trợ cao hơn, quyền lợi bảo hiểm xã hội được bảo đảm sẽ khuyến khích được cán bộ tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi.

- Nhược điểm:

+ Kinh phí thực hiện chính sách được lấy từ nguồn ngân sách là chủ yếu (đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên thì lấy từ nguồn kinh phí của đơn vị), do đó sẽ làm tăng chi cho ngân sách của tỉnh, ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong giai đoạn 2023 – 2026;

+ Không có khoản kinh phí hỗ trợ do bị tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi;

+ Không quy định mức hỗ trợ tối đa sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

b) Giải pháp 2: Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế nhưng có định mức thấp hơn; thực hiện hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi và quy định tổng mức hỗ trợ tối đa.

- Ưu điểm:

+ Các chính sách hỗ trợ có cách tính các khoản hỗ trợ tương đồng so với quy định của Chính phủ;

+ Đảm bảo quyền lợi của người lao động, mặc dù tuổi nghỉ công tác thấp hơn tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ luật Lao động nhưng vẫn có một khoản kinh phí để bù đắp cho việc bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi;

+ Quy định tổng mức hỗ trợ tối đa cho 01 người để phù hợp với khả năng bảo đảm ngân sách của tỉnh.

- Nhược điểm:

+ Kinh phí thực hiện chính sách được lấy từ nguồn ngân sách là chủ yếu (đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

và đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên thì lấy từ nguồn kinh phí của đơn vị), do đó sẽ làm tăng chi cho ngân sách của tỉnh;

+ Khoản kinh phí hỗ trợ chưa cao, có thể không khuyến khích, động viên các đối tượng tự nguyện nghỉ việc;

+ Mức hỗ trợ không có sự khác nhau giữa một số đối tượng có mức lương cao, thời gian công tác lâu năm.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh những ưu điểm, nhược điểm giữa các giải pháp được nêu trên và khả năng ngân sách của tỉnh: Để giải quyết những khó khăn, bất cập như đã nêu trên thì giải pháp hợp lý nhất là lựa chọn Giải pháp 2: Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế nhưng có định mức thấp hơn; thực hiện hỗ trợ phần chênh lệch lương hưu bị giảm tỷ lệ % do nghỉ hưu trước tuổi và quy định tổng mức hỗ trợ tối đa.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

2. Chính sách 2: Chính sách hỗ trợ kinh phí thôi việc

2.1. Xác định vấn đề bất cập

** Mô tả thực trạng của vấn đề, phân tích bất cập*

Do yêu cầu sắp xếp, tinh gọn bộ máy, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của tỉnh thì bên cạnh việc khuyến khích nghỉ hưu trước tuổi, còn có những trường hợp thôi việc do không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

Nguồn thu nhập chính của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã từ lương và các khoản phụ cấp được chi trả từ ngân sách nhà nước, nguồn thu sự nghiệp. Khi các đối tượng này thôi việc sẽ mất đi nguồn thu nhập, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cá nhân và gia đình.

** Hậu quả:* Nếu không có kinh phí hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã thôi việc sẽ không bảo đảm ổn định cuộc sống, không bảo đảm quyền lợi do đó sẽ không khuyến khích được cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã tự nguyện thôi việc.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hỗ trợ kinh phí để bù đắp cho khoản thu nhập bị mất do thôi việc, giúp ổn định cuộc sống;

- Xác định rõ cách tính các khoản tiền hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, không cào bằng, các đối tượng có thời gian công tác, mức lương, chức vụ khác nhau được nhận các khoản hỗ trợ khác nhau.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Vận dụng chính sách thôi việc (*hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng và 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng Bảo hiểm xã hội*) theo Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo nghị định số 34/2019/NĐ-CP của chính phủ và bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Giải pháp 2: Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, nhưng có định mức thấp hơn đồng thời quy định mức tối đa một người có thể được hưởng.

2.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Cả 02 giải pháp đề thực hiện Chính sách 2 đều tác động lên một số mặt sau:

- Về mặt kinh tế sẽ làm tăng chi từ ngân sách của tỉnh;
- Về mặt xã hội: có thể làm tăng tỷ lệ thất nghiệp (không đáng kể do số số lượng ít) do những người trong độ tuổi lao động thôi việc, mặc dù đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm nhưng chưa được hưởng lương hưu;
- Tác động về giới và thủ tục hành chính: Chính sách không có sự phân biệt về giới, không ảnh hưởng đến điều kiện thực hiện và thụ hưởng các lợi ích của mỗi giới; không làm phát sinh thủ tục hành chính;
- Về mặt pháp luật: Chính sách phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, mỗi giải pháp có những ưu điểm và nhược điểm sau:

a) Giải pháp 1: Vận dụng chính sách thôi việc (*hỗ trợ 03 tháng tiền lương hiện hưởng và 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng Bảo hiểm xã hội*) theo Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo nghị định số 34/2019/NĐ-CP của chính phủ và bố trí công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

- Ưu điểm:

+ Khoản hỗ trợ đã bù đắp được một phần thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cá bộ cấp xã bị mất do thôi việc, giúp ổn định đời sống và hỗ trợ tìm việc làm;

+ Chính sách giống như chính sách đã được HĐND tỉnh thông qua nên thuận lợi hơn trong việc thảo luận, xem xét thông qua. Cách tính toán dễ dàng chỉ căn cứ vào số năm đóng bảo hiểm xã hội.

- Nhược điểm:

+ Những người có năm đóng bảo hiểm càng cao (đồng nghĩa với thời gian công tác đến khi đủ tuổi nghỉ hưu ngắn) sẽ được hưởng khoản hỗ trợ cao hơn, nên chỉ khuyến khích được người còn thời gian công tác ngắn, không khuyến khích được người có thời gian từ 4-5 năm nghỉ việc;

+ Làm tăng chi cho ngân sách của tỉnh, ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong giai đoạn 2023 - 2026, do các đối tượng này đã có nhiều năm tham gia đóng bảo hiểm xã hội;

b) Giải pháp 2: Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, nhưng có định mức thấp hơn đồng thời quy định mức tối đa một người có thể được hưởng.

- Ưu điểm:

+ Khoản hỗ trợ đã bù đắp được một phần thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã do thôi việc, giúp ổn định đời sống;

+ Cách tính được áp dụng thống nhất với quy định của Chính phủ;

+ Phù hợp với khả năng chi trả ngân sách của tỉnh.

- Nhược điểm:

+ Làm tăng chi cho ngân sách của tỉnh, ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong giai đoạn 2023 – 2026;

+ Khoản kinh phí hỗ trợ thấp hơn so với Giải pháp 1, có thể không khuyến khích, động viên các đối tượng tự nguyện thôi việc;

+ Mức hỗ trợ không có sự khác nhau giữa một số đối tượng có mức lương cao, thời gian công tác lâu năm.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Trên cơ sở phân tích, so sánh những ưu điểm, nhược điểm giữa các giải pháp được nêu tại Tiểu mục 2.4 và khả năng đáp ứng của ngân sách tỉnh, để giải quyết những khó khăn, bất cập như đã nêu trên thì giải pháp hợp lý nhất là lựa chọn Giải pháp 2: Vận dụng cách tính theo quy định của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, nhưng có định mức thấp hơn đồng thời quy định mức tối đa một người có thể được hưởng.

Thẩm quyền ban hành chính sách: Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Về dự toán kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí dự kiến do ngân sách của tỉnh chi hỗ trợ cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc là: Khoảng 162,73 tỷ đồng (nếu tất cả các đối tượng đủ điều kiện đều nghỉ trong giai đoạn 2023- 2026); nếu có khoảng 10-20% đối tượng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc thì số kinh phí dự kiến thực hiện cả giai đoạn từ 16,273 tỷ đến 32,546 tỷ đồng.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

1. Đối tượng

a) Đối tượng xin ý kiến:

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Cao Bằng và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các huyện ủy, thành ủy, UBND các huyện, thành phố;

b) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách hỗ trợ: Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, cán bộ cấp xã.

2. Phương pháp

- Đăng tải toàn văn hồ sơ, tài liệu liên quan đến xây dựng Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng và trang thông tin điện tử Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng trong thời hạn ít nhất là 30 ngày để các cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia ý kiến;

- Lấy ý kiến góp ý trực tiếp bằng văn bản đối với đối tượng tại khoản 1 Mục III.

3. Phản hồi, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý

Các ý kiến góp ý, phản hồi từ các cơ quan, tổ chức cá nhân liên quan đến xây dựng Nghị quyết sẽ được Sở Nội vụ tổng hợp, nghiên cứu tiếp thu, giải trình, trên cơ sở đó hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Nội dung báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến được gửi kèm hồ sơ xây dựng Nghị quyết, báo cáo UBND tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Sở Nội vụ tổ chức cuộc họp, hội nghị đối thoại trực tiếp về chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động của dự thảo Nghị quyết.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan, tổ chức thực hiện chính sách

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; huyện ủy, thành ủy;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện;
- HĐND và UBND các cấp;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ quan giám sát, đánh giá, phản biện

- Các Ban HĐND cấp tỉnh, cấp huyện;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp;

Trên đây là báo cáo tác động một số chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc giai đoạn 2023 - 2026./^{7*}

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, CCVCĐT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lâm Thị Tú Anh

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 889 /BCTĐ-STP

Cao Bằng, ngày 09 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 1573/SNV-CCCVĐT ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Sở Nội vụ tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị thẩm định Nghị quyết của HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

- Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Bộ Luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chế độ thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Về sự cần thiết ban hành nghị quyết

a) Về cơ sở pháp lý

Điểm đ khoản 5 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh:

"đ) Quyết định chính sách thu hút, khuyến khích đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại địa phương phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của địa phương và quy định của cơ quan nhà nước cấp trên;..."

b) Về cơ sở thực tiễn

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trong những năm qua việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng đã được triển khai kịp thời, đồng bộ, đúng quy định. Tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được sắp xếp theo hướng tinh gọn, tỷ lệ tinh giản biên chế đạt được mục tiêu đề ra gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện tỉnh vẫn gặp phải các khó khăn vướng mắc như: Sau sắp xếp, tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, số lượng cán bộ, công chức, viên chức dôi dư lớn; Mặc dù Chính phủ đã ban hành một số chính sách để cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc, nhưng các chính sách này chỉ áp dụng đối với một số đối tượng nhất định, chế độ, chính sách chưa đủ mạnh để có thể khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng cho các trường hợp dôi dư nghỉ việc ổn định đời sống, tạo việc làm mới. Ngoài ra, cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ cấp xã là những người có năng lực, trình độ chuyên môn, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nên đa số đối tượng này không thuộc đối tượng hưởng chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định của Chính phủ.

Nhằm tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022, Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 và Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị và chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, việc UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026 là cần thiết và phù hợp quy định của pháp luật.

2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo nghị quyết

a) Về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng giai đoạn 2023 - 2026.

b) Về đối tượng áp dụng:

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (có phụ cấp chức vụ) không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.
- Cán bộ chủ chốt cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân).
- Trưởng các đoàn thể cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật

Nội dung dự thảo nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, tại tên dự thảo nghị quyết dự thảo cần bổ sung cụm từ “Quy định” sau cụm từ “Ban hành” cho chính xác vì đây là nghị quyết ban hành Quy định không phải nghị quyết quy định trực tiếp.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Dự thảo nghị quyết đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

III. KẾT LUẬN

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Mục II nêu trên để dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026 đủ điều kiện để trình UBND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Nội vụ;
- Giám đốc Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDVB&PBGDPL.



GIÁM ĐỐC

Bản Thanh Hiên

UBND TỈNH CAO BẰNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1622 /SNV-CCCVĐT
V/v tiếp thu ý kiến thẩm định
đối với dự thảo Nghị quyết
của HĐND ban hành Quy định
chính sách hỗ trợ kinh phí
đối với cán bộ, công chức,
viên chức lãnh đạo, quản lý
và cán bộ cấp xã nghỉ hưu
trước tuổi hoặc thôi việc theo
nguyện vọng trên địa bàn tỉnh
Cao Bằng giai đoạn 2023 - 2026

Cao Bằng, ngày 12 tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Ngày 09/6/2023, Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 889/BCTĐ-STP về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý và cán bộ cấp xã nghỉ hưu trước tuổi hoặc thôi việc theo nguyện vọng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2023- 2026, trong đó, Sở Tư pháp cơ bản nhất trí với các nội dung dự thảo Nghị quyết. Tại tên dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp đề nghị sung từ “Quy định” sau từ “Ban hành”.

Sau khi nghiên cứu, Sở Nội vụ đã tiếp thu và bổ sung từ “Quy định” sau từ “Ban hành” tại tên dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Sở Nội vụ kính gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CCCVĐT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lâm Thị Tú Anh